

BÁO CÁO

**Tình hình dịch bệnh COVID-19 và công tác phòng, chống dịch
trên địa bàn thị xã Đông Hòa
(từ 14 giờ 00 ngày 26/4/2022 đến 14 giờ 00 ngày 27/4/2022)**

Kính gửi:

- Trung tâm Chỉ huy phòng chống dịch COVID-19 tỉnh;
- Sở Y tế tỉnh Phú Yên (Phòng Nghiệp vụ Y);
- Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh;
- Thường trực Thị ủy Đông Hòa.

Thực hiện Chỉ thị số 11/CT-UBND ngày 24/6/2021 của UBND tỉnh Phú Yên về việc siết chặt và tăng cường các biện pháp phòng, chống dịch COVID-19 trên địa bàn tỉnh Phú Yên; Công văn số 321-CV/TU ngày 25/6/2021 của Thị ủy Đông Hòa về việc báo cáo tình hình phòng, chống dịch COVID-19. UBND thị xã Đông Hòa báo cáo nhanh tình hình dịch bệnh COVID-19 và công tác phòng, chống dịch trên địa bàn thị xã như sau:

1. Tình hình ca nhiễm mới (F0)

ST T	Xã, phường	F0								Nơi phát hiện các trường hợp mới				
		Ca mới	Vùng dịch về		Tại địa phương	BV DC	BV tỉnh	Tổng cộng	Hiện còn đang điều trị	Số ca không rõ nguồn lây, sàng lọc cộng đồng	F1 chuyển thành F0	Từ vùng dịch về	Cách ly tại nhà	Cơ sở cách ly
			Mới	Lũy kế										
1	Hòa Vinh			18	828	1		847	4					
2	Hòa Tân Đông			30	591			621	3					
3	Hòa Thành	1		18	843			861	3	1				
4	Hòa Hiệp Bắc			10	882	1	1	894	18					
5	Hòa Hiệp Trung	1		23	1.646	4	1	1.674	16	1				
6	Hòa Hiệp Nam			16	716			732	6					
7	Hòa Tâm	2		3	171			174	10	2				
8	Hòa Xuân Nam			2	244			246						
9	Hòa Xuân Đông			17	573	1		591	10					
10	Hòa Xuân Tây			51	567			618	1					
11	Ngoài thị xã					7		7						
	Tổng cộng	4		188	7.061	14	2	7.265	71	4				

2. Thí điểm cách ly F0, F1 tại nhà

STT	Xã, phường	Thí điểm cách ly F0 tại nhà		Thí điểm cách ly F1 tại nhà	
		Số mới	Lũy kế	Số mới	Lũy kế
1	Hòa Vinh	0	707	0	341
2	Hòa Tân Đông	0	557	0	112
3	Hòa Thành	0	784	0	431
4	Hòa Hiệp Bắc	0	720	0	356
5	Hòa Hiệp Trung	0	1.244	0	639
6	Hòa Hiệp Nam	0	5	0	50
7	Hòa Tâm	0	0	0	25
8	Hòa Xuân Nam	0	166	0	81
9	Hòa Xuân Đông	0	493	0	824
10	Hòa Xuân Tây	0	500	0	826
	Tổng cộng	0	5.176	0	3.685

a) Khó khăn đối với cách ly F0 tại nhà: cơ sở vật chất không đảm bảo, không đủ điều kiện để thực hiện cách ly tại nhà.

b) Khó khăn đối với cách ly F1 tại nhà:

+ Nhân viên y tế của Trạm y tế thiếu, việc giám sát, theo dõi còn khó khăn.

+ Cơ sở vật chất (Nhà của hộ dân có F1): chủ yếu nhà cấp 4, đa số không có phòng riêng cách biệt và nhà vệ sinh dùng chung cả nhà nên việc thực hiện cách ly chưa đảm bảo, dễ lây chéo trong gia đình, cộng đồng; việc thu gom, vận chuyển rác thải.

+ Một số đối tượng F1 ý thức tuân thủ, chấp hành thực hiện các biện pháp cách ly tại nhà theo hướng dẫn Bộ Y tế chưa cao, chưa thực hiện nghiêm để lây nhiễm chéo cho các thành viên trong gia đình.

3. Công tác truy vết (F1, F2) và người về từ vùng dịch

STT	Xã, phường	Trường hợp F1			Trường hợp F2			Người về từ vùng dịch		
		Số mới	Lũy kế	Hiện còn đang theo dõi	Số mới	Lũy kế	Hiện còn đang theo dõi	Số mới	Lũy kế	Hiện còn đang theo dõi
1	Hòa Vinh	0	378	0	0	320	0	0	2.004	0
2	Hòa Tân Đông	0	239	0	0	321	0	0	2.930	0
3	Hòa Thành	0	631	0	0	2.330	0	0	2.030	0
4	Hòa Hiệp Bắc	0	481	0	0	759	0	0	619	0
5	Hòa Hiệp Trung	0	1.091	0	0	1.160	0	0	1.936	0
6	Hòa Hiệp Nam	0	200	0	0	1.197	0	0	912	0
7	Hòa Tâm	0	147	0	0	63	0	0	438	0
8	Hòa Xuân Nam	0	147	0	0	340	0	0	198	0
9	Hòa Xuân Đông	0	956	0	0	194	0	0	2.098	0
10	Hòa Xuân Tây	0	975	0	0	2.023	0	0	2.188	0
	Tổng cộng	0	5.245	0	0	8.707	0	0	15.352	0

4. Công tác lấy mẫu, xét nghiệm

STT	Xã, phường	Test nhanh		Lấy mẫu		Ghi chú
		Số mới	Lũy kế	Số mới	Lũy kế	
1	Hòa Vinh	0	2.657	0	29.291	
2	Hòa Tân Đông	0	1.593	0	5.500	
3	Hòa Thành	0	2.862	0	23.601	
4	Hòa Hiệp Bắc	0	1.909	0	31.686	
5	Hòa Hiệp Trung	0	2.991	0	72.823	
6	Hòa Hiệp Nam	0	1.513	0	2.649	
7	Hòa Tâm	0	439	0	3.886	
8	Hòa Xuân Nam	0	421	0	5.920	
9	Hòa Xuân Đông	0	2.063	0	3.532	
10	Hòa Xuân Tây	0	3.660	0	19.467	
	Tổng cộng	0	20.108	0	198.355	

5. Giám sát y tế

STT	Xã, phường	Số mới	Lũy kế	Hiện còn đang theo dõi	Ghi chú
1	Hòa Vinh	0	4.886	5	
2	Hòa Tân Đông	0	5.020	1	
3	Hòa Thành	0	5.585	9	
4	Hòa Hiệp Bắc	0	3.651	7	
5	Hòa Hiệp Trung	0	3.973	0	
6	Hòa Hiệp Nam	0	1.834	0	
7	Hòa Tâm	0	1.285	0	
8	Hòa Xuân Nam	0	1.473	0	
9	Hòa Xuân Đông	0	4.582	2	
10	Hòa Xuân Tây	0	5.665	0	
	Tổng cộng	0	37.954	24	

6. Các khu cách ly tập trung

Nội dung	Hiện tại còn			Sức chứa các khu cách ly	Ghi chú
	Số ca F1	Người từ vùng dịch về	Tổng cộng		
Khu cách ly Núi Chai	0	0	0	79	
Khu cách ly Nguyễn Trãi	0	0	0	42	
Tổng cộng	0	0	0	121	

7. Công tác tiêm vắc xin người từ 18 tuổi trở lên

STT	Xã, phường	Người từ 18 tuổi trở lên	Người từ 18 tuổi trở lên đã tiêm vắc xin					
			Tiêm mũi 1	Tỷ lệ %	Tiêm mũi 2	Tỷ lệ %	Tiêm mũi 3	Tỷ lệ %
1	Hòa Vinh	9.625	9.568	99,41	9.474	98,43	4.980	51,74
2	Hòa Tân Đông	10.845	10.751	99,13	10.784	99,44	3.489	32,17
3	Hòa Thành	14.163	14.107	99,60	14.083	99,44	5.063	35,75
4	Hòa Hiệp Bắc	8.998	8.712	96,82	8.797	97,77	1.300	14,45
5	Hòa Hiệp Trung	18.875	18.234	96,60	18.150	96,16	1.979	10,48
6	Hòa Hiệp Nam	9.612	9.583	99,70	9.291	96,66	998	10,38
7	Hòa Tâm	2.337	2.241	96,72	2.143	92,49	1.145	48,99

8	Hòa Xuân Nam	2.217	2.207	99,55	2.197	99,10	1.482	66,85
9	Hòa Xuân Đông	7.961	7.923	99,52	7.923	99,52	3.846	48,31
10	Hòa Xuân Tây	10.792	10.716	99,30	10.663	98,80	6.146	56,95
	Toàn thị xã	95.425	94.042	98,55	93.505	97,99	30.428	31,89

8. Công tác tiêm vắc xin trẻ em từ 12 đến 17 tuổi

STT	Xã, phường	Trẻ em từ 12 đến 17 tuổi	Trẻ em từ 12 đến 17 tuổi đã tiêm vắc xin			
			Tiêm mũi 1	Tỷ lệ %	Tiêm mũi 2	Tỷ lệ %
1	Hòa Vinh	1.432	1.214	84,78	1.202	83,94
2	Hòa Tân Đông	1.047	1.044	99,71	1.038	99,14
3	Hòa Thành	1.130	949	83,98	945	83,63
4	Hòa Hiệp Bắc	1.142	523	45,80	523	45,80
5	Hòa Hiệp Trung	2.567	2.123	82,70	835	32,53
6	Hòa Hiệp Nam	1.107	646	58,36	461	41,64
7	Hòa Tâm	163	158	96,93	144	88,34
8	Hòa Xuân Nam	323	321	99,38	316	97,83
9	Hòa Xuân Đông	993	984	99,09	983	98,99
10	Hòa Xuân Tây	935	789	84,39	789	84,39
	Toàn thị xã	10.839	8.751	80,74	7.236	66,76

9. Các khu vực phong tỏa

Đến nay, đã gỡ bỏ hoàn toàn 48 khu vực phong tỏa.

10. Công tác xử phạt

Địa phương	Số biên bản đã lập	Số trường hợp đã xử phạt VPHC	Phạt tiền tổng cộng	Không đeo khẩu trang	Ra đường không cần thiết	Tập trung đông người, không giữ khoảng	Vi phạm các quy định về cách ly	Không áp dụng biện pháp tạm đình chỉ hoạt động cơ sở KD, DV	Không chấp hành các biện pháp phòng chống bệnh truyền nhiễm (khoản 2 Điều 14 NĐ 117)	Vi phạm khác
Hòa Vinh	158	158	319.500.000	5	144	9				
Hòa Hiệp Trung	192	192	477.000.000	15	136	6	8	1		26
Hòa Hiệp Bắc	83	83	101.500.000	3	78	2				
Hòa Hiệp Nam	94	87	153.000.000	4	85	5				
Hòa Xuân Tây	42	42	173.700.000	3	28	8				3
Hòa Xuân Đông	73	70	103.400.000	2	65			1	1	4
Hòa Xuân Nam	45	45	76.350.000	17	27					1
Hòa Tâm	14	14	28.000.000	3	11					
Hòa Thành	107	107	178.500.000	12	89	4				2
Hòa Tân Đông	47	47	128.000.000	3	40	4				
Công an thị xã	21	20	210.000.000						21	
TỔNG CỘNG	876	865	1.948.950.000	67	703	38	8	2	22	36

11. Thực hiện Nghị quyết 68/NQ-CP của Chính phủ và Quyết định 23/2021/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, Quyết định 1088/QĐ-UBND của UBND tỉnh Phú Yên

Đã chi trả cho 2.734 đối tượng, với số tiền là 4.396.020.000đ.

12. Về thực hiện công tác tiếp nhận, quản lý công dân từ các tỉnh phía Nam về địa phương

Trong ngày không có trường hợp về từ các vùng có dịch COVID-19, lũy kế đến nay có 17.395 trường hợp từ vùng dịch về địa phương, đã hướng dẫn cách ly y tế theo quy định.

13. Các hoạt động khác

Nội dung	Số mới	Lũy kế	Ghi chú
Cài đặt bluezone	0	25.201	42,43%
Khai báo y tế	0	37.087	

14. Đánh giá cấp độ dịch: Theo Phụ lục đính kèm

15. Về tình hình hoạt động Trạm Y tế lưu động, Tổ COVID-19 cộng đồng

a) Tình hình hoạt động Trạm Y tế lưu động

Hiện nay có 10 Trạm y tế lưu động đang hoạt động tại 10 xã, phường trên địa bàn thị xã.

b) Tình hình hoạt động Tổ COVID-19 cộng đồng

STT	Địa phương	Số lượng Tổ COVID-19 cộng đồng	TÌNH TRẠNG		Ghi chú
			Đang hoạt động	Ngừng hoạt động	
1	Hòa Xuân Tây	14	x		Có 39 thành viên
2	Hòa Hiệp Bắc	9	x		Có 27 thành viên
3	Hòa Xuân Nam	9	x		Có 27 thành viên
4	Hòa Tâm	8	x		Có 24 thành viên
5	Hòa Tân Đông	14	x		Có 42 thành viên
6	Hòa Vinh	19	x		Có 57 thành viên
7	Hòa Xuân Đông	15	x		Có 45 thành viên
8	Hòa Thành	18	x		Có 54 thành viên
9	Hòa Hiệp Trung	27	x		Có 83 thành viên
10	Hòa Hiệp Nam	10	x		Có 30 thành viên
	Tổng cộng	143			428 thành viên

16. Một số nhiệm vụ trọng tâm

- Nâng cao chất lượng hoạt động của Tổ Covid cộng đồng, đảm bảo giám sát chặt người cách ly tại nhà.

- Tăng cường công tác thông tin tuyên truyền phòng, chống dịch COVID-19, đẩy mạnh việc cài đặt ứng dụng PC-Covid.

- Tăng cường công tác tuần tra, kiểm soát công tác phòng, chống dịch COVID-19, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm.

- Thường xuyên đánh giá cấp độ dịch trên địa bàn thị xã theo Quyết định 218/QĐ-UBND ngày 27/01/2022 của Bộ Y tế về việc ban hành Hướng dẫn tạm thời về chuyên môn y tế thực hiện Nghị quyết số 128/NQ-CP ngày 11/10/2021 của Chính phủ ban hành Quy định tạm thời “Thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19”.

UBND thị xã báo cáo tình hình và công tác triển khai thực hiện phòng, chống dịch COVID-19 trên địa bàn thị xã Đông Hòa./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh;
- Chủ tịch, PCT UBND thị xã;
- Chánh, PCVP HĐND&UBND thị xã;
- Văn phòng Thị ủy;
- Các cơ quan, đơn vị thị xã;
- UBND các xã, phường;
- Lưu: VT, Minh.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Tĩnh

PHỤ LỤC ĐÁNH GIÁ CẤP ĐỘ DỊCH

- Xã, phường: Tổng số 10; cấp độ 01: 10 xã, phường.

- Thời gian đánh giá: 11h00' ngày 22/4/2022

TT	Địa phương	Dân số	Các tiêu chí đánh giá cấp độ dịch										Mức độ lây nhiễm (Mức độ 1, 2, 3, 4)	Khả năng đáp ứng (Cao, thấp, trung bình)	Cấp độ dịch
			Tiêu chí 1			Tiêu chí 2				Tiêu chí 3					
			Chỉ số 1a (Tỷ lệ ca mắc mới)	Chỉ số 1b (Tỷ lệ ca bệnh phải thở oxy)	Chỉ số 1c (Tỷ lệ ca tử vong)	Chỉ số 2a		Chỉ số 2b		Chỉ số 3a (Tỷ lệ sẵn sàng quản lý, chăm sóc)	Chỉ số 3b (Tỷ lệ giường bệnh dành cho người bệnh COVID-19 còn trống)	Chỉ số 3c (Tỷ lệ giường ICU)			
Tổng số người đã được tiêm đủ mũi	Tỷ lệ tiêm đủ mũi vắc xin	Tổng số người ở nhóm nguy cơ cao đã được tiêm đủ mũi	Tỷ lệ tiêm đủ mũi ở nhóm nguy cơ cao	Chỉ số 3a (Tỷ lệ sẵn sàng quản lý, chăm sóc)	Chỉ số 3b (Tỷ lệ giường bệnh dành cho người bệnh COVID-19 còn trống)	Chỉ số 3c (Tỷ lệ giường ICU)									
1	Xã Hòa Thành	17.183	34,92	0,00	0,00	15.036	87,51	6.281	99,52	505,15			Mức độ 1	Cao	Cấp 1
2	Xã Hòa Tân Đông	14.319	41,90	0,00	0,00	11.678	81,56	2.053	99,27	504,92			Mức độ 1	Cao	Cấp 1
3	Phường Hòa Vinh	13.894	28,79	0,00	0,00	10.668	76,78	2.098	98,08	505,25			Mức độ 1	Cao	Cấp 1
4	Phường Hòa Xuân Tây	14.784	6,76	0,00	0,00	11.504	77,81	3.942	98,70	505,28			Mức độ 1	Cao	Cấp 1
5	Xã Hòa Xuân Đông	10.681	84,26	0,00	0,00	8.809	82,47	3.107	98,48	505,57			Mức độ 1	Cao	Cấp 1
6	Xã Hòa Xuân Nam	3.364	0,00	0,00	0,00	2.639	78,45	231	97,06	505,35			Mức độ 1	Cao	Cấp 1
7	Xã Hòa Tâm	3.186	313,87	0,00	0,00	2.425	76,11	711	92,34	505,34			Mức độ 2	Cao	Cấp 1
8	Phường Hòa Hiệp Nam	13.320	90,09	0,00	0,00	10.118	75,96	2.315	99,27	505,26			Mức độ 2	Cao	Cấp 1
9	Phường Hòa Hiệp Bắc	12.014	199,77	0,00	0,00	9.521	79,25	1.034	95,48	505,24			Mức độ 2	Cao	Cấp 1
10	Phường Hòa Hiệp Trung	26.608	135,30	0,00	0,00	20.801	78,18	5.460	98,52	505,11			Mức độ 2	Cao	Cấp 1